

Số: 2090/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường TL.282B  
đoạn qua huyện (nay là thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Ninh: Số 211/NQ-HĐND - Phụ lục 30 ngày 29/10/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm B và nhóm C trọng điểm; số 203/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện (nay là thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283; Công văn số 1127/LS;KHĐT-TC ngày 24/5/2023 về việc báo cáo nguồn vốn và khả năng cân đối vốn bổ sung đối với dự án ĐTXD đường TL.282B đoạn qua huyện Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 11/2021/UBND-XDCB ngày 19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về việc ban hành Quy định phân công,



*phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021;*

*Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện (nay là thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283”;*

*Căn cứ Thông báo số 2031/SGTVT-QLCL ngày 28/9/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện (nay thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2036/TTr-SGTVT ngày 28/9/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện (nay là thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283, bao gồm các nội dung chính sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện (nay là thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283.

**2. Người Quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

**3. Chủ đầu tư:** Ban quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành.

**4. Mục tiêu dự án đầu tư:** Xây dựng tuyến đường TL.282B tạo sự đồng bộ, liên tục, kết nối thuận lợi giao thông giữa thị xã Thuận Thành với các vùng lân cận. Giảm tải cho hệ thống giao thông cho QL.17, tạo không gian phát triển đô thị mới; từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông đồng bộ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**5. Quy mô, nội dung đầu tư:**

5.1. Đầu tư xây dựng tuyến đường TL.282B đoạn qua thị xã Thuận Thành từ QL.38 đến TL.283: Tổng chiều dài khoảng 6,97 Km; trong đó:

- Điểm đầu dự án: Tại Km0+000 lý trình lập dự án (giao với QL.38 tại Km14+250) thuộc địa phận phường Hồ, thị xã Thuận Thành khớp nối với dự án đầu tư xây dựng ĐT.282B đoạn thị trấn Gia Bình đi thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị Quyết số 169/NQ-HĐND ngày 17/4/2019).

- Điểm cuối dự án: Tại Km6+972.20 lý trình lập dự án (giao với TL.283 tại Km11+700), thuộc địa phận xã Đình Tổ, thị xã Thuận Thành.

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Song Hồ, phường Hồ, xã Đại Đồng Thành, xã Đình Tổ, thị xã Thuận Thành.



## 5.2. Mặt cắt ngang đầu tư xây dựng

- Đoạn qua khu dân cư phường Hồ, từ Km0+000 đến khoảng Km0+956,20, chiều dài  $L=956,20\text{m}$ ; bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15\text{m}$ , vỉa hè bên trái tuyến có bề rộng từ  $B_{ht}=2,5-5,0\text{m}$ , vỉa hè bên phải tuyến cải tạo theo hiện trạng có bề rộng từ  $B_{hp}=2,0-5,0\text{m}$ ;

- Đoạn từ Km0+956,20 đến khoảng Km4+860,0 và đoạn từ Km5+862,64 đến khoảng Km6+972,2, chiều dài  $L=5.013,36\text{m}$ ; bề rộng đường  $B=16\text{m}$ , trong đó: Lòng đường  $B_{ld}=15\text{m}$ , lề đường  $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$ .

- Đoạn qua khu dân cư thôn Đại Trạch:

+ Đoạn từ Km4+860,0 đến khoảng Km 5+034,28, chiều dài  $L=174,28\text{m}$ ; bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15\text{m}$ , lề đường bên trái tuyến  $B_l=0,5\text{m}$ , lề đường bên phải tuyến  $B_l=2\text{m}$ ;

+ Đoạn từ Km 5+034,08 đến Km 5+862,64, chiều dài  $L=828,36\text{m}$ ; bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15\text{m}$ , vỉa hè bên trái tuyến  $B_{ht}=5\text{m}$ , lề đường bên phải tuyến  $B_l=2\text{m}$ ;

5.3. Hướng tuyến: Cơ bản phù hợp với Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 và Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Hồ và phụ cận, huyện Thuận Thành đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

5.4. Cao độ mặt đường được khống chế theo cao độ quy hoạch được duyệt, cao độ tại các điểm giao cắt với các tuyến đường đã có và đang thi công, cao độ các công trình, cao độ tần suất tính toán thủy văn.

5.5. Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng nền, mặt đường cấp cao A1; vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh (nếu có); hệ thống thoát nước; hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên quan; xử lý nền đất yếu; cầu hoặc cống hộp qua sông, kênh; hoàn trả kênh mương thủy lợi; hệ thống an toàn giao thông đồng bộ theo quy định.

## 6. Các giải pháp, thông số kỹ thuật chủ yếu

### 6.1. Phân đường

#### 6.1.1. Bình đồ tuyến:

- Bình đồ tuyến đường đoạn thông thường thiết kế theo vận tốc thiết kế  $V=60\text{Km/h}$ , đoạn qua phường Hồ thiết kế theo vận tốc thiết kế  $V=50\text{Km/h}$ , tiêu chuẩn TCVN 13592-2022.

- Trong giai đoạn phân kỳ đầu tư sử dụng tim tuyến giai đoạn phân kỳ để thiết kế trắc dọc, trắc ngang chi tiết đảm bảo yếu tố hình học tuyến (độ dốc siêu cao và cao độ nền đường, công trình) theo quy định và tận dụng tối đa cho giai đoạn hoàn chỉnh.



### 6.1.2. Trắc dọc tuyến:

- Trắc dọc tuyến thiết kế bảo đảm cao độ theo quy hoạch, phù hợp cao độ hiện trạng khu vực dân cư hiện hữu dọc tuyến, định hướng hạ tầng kỹ thuật, tần suất thiết kế, các điểm khống chế công trình, chiều dày kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường cũ.

- Cao độ thiết kế giai đoạn phân kỳ có xem xét giải pháp đầu tư cho giai đoạn mở rộng theo quy hoạch. Độ dốc dọc và chiều dài đôi dốc dọc được thiết kế cho giai đoạn hoàn chỉnh đảm bảo theo quy định.

### 6.1.3. Mặt cắt ngang tuyến

- Mặt cắt ngang giai đoạn phân kỳ:

\*Đoạn qua khu dân cư phường Hồ (từ Km0+000 đến Km0+956,20); mặt cắt ngang  $B=19,5-25,0m$ , trong đó: Bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15,0m$ , vỉa hè trái  $B_{ht}=2,5-5,0m$ ,  $B_{hp}=2,0-5,0m$ ; độ dốc ngang mặt đường:  $i_{mặt}=2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i_{hè}=1,5\%$ .

\*Đoạn thông thường (từ Km0+956,20 đến Km4+680,0 và đoạn từ Km5+862,64 đến Km6+972,2); mặt cắt ngang  $B=16,0m$ , trong đó: Bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15,0m$ , lề đường  $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$ ; độ dốc ngang mặt đường:  $i_{mặt}=2,0\%$ , độ dốc ngang lề đường:  $i_{lè}=4\%$ .

\*Đoạn qua khu dân cư thôn Đại Trạch:

+ Từ Km4+860,0 đến Km5+034,28: mặt cắt ngang  $B=17,5m$ , trong đó: Bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15,0m$ , lề đường bên trái tuyến  $B_l=0,5m$ ; lề đất đường bên phải tuyến  $B_l=2,0m$ ; độ dốc ngang mặt đường:  $i_{mặt}=2,0\%$ , độ dốc ngang lề đường:  $i_{lè}=4\%$ .

+ Từ Km5+034,28 đến Km5+862,64: mặt cắt ngang  $B=22m$ , trong đó: Bề rộng lòng đường  $B_{ld}=15,0m$ , vỉa hè bên trái tuyến  $B_{ht}=5,0m$ ; lề đường bên phải tuyến  $B_l=2,0m$ ; độ dốc ngang mặt đường:  $i_{mặt}=2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i_{hè}=1,5\%$ , độ dốc ngang lề đường:  $i_{lè}=4\%$ .

- Mặt cắt ngang được thiết kế hai mái; đoạn vào đường cong theo độ dốc siêu cao.

- Độ dốc mái taluy đắp thông thường là 1:1,5.

### 6.1.4. Nền đường

- Đắp nền đường đầm lèn chặt  $K=0,95$ , lớp trên cùng dày 30,0cm dưới lớp áo đường đầm lèn đạt độ chặt  $K=0,98$ .

- Đối với nền đào và không đào không đắp (nền thiên nhiên) 30,0cm phần nền trên cùng dưới lớp đáy áo đường phải đạt độ chặt  $K=0,98$ . Trong trường hợp không đảm bảo thì tiến hành đào bỏ và thi công như nền đường đắp thông thường.

- Đối với đoạn chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống): Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn để đảm bảo êm thuận.



6.1.5. Xử lý nền đất yếu: Tiến hành các biện pháp xử lý đất yếu trước khi đắp đảm bảo theo các tiêu chuẩn hiện hành như sau:

- Trường hợp không xử lý: Với các phân đoạn có độ lún cố kết còn lại đạt yêu cầu nhưng hệ số ổn định không đảm bảo thì sử dụng vải địa kỹ thuật gia cường để đảm bảo hệ số ổn định theo tiêu chuẩn.

- Đào thay đất đối với các phân đoạn có lớp đất yếu mỏng, chiều sâu đào thay đất từ (1,0-3,0)m.

- Các biện pháp xử lý khác (nếu có).

6.1.6. Mặt đường: Kết cấu áo đường mềm cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 155 \text{MPa}$ , tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn 10,0 Tấn.

\* Kết cấu vượt nối đường hiện trạng (đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị, đường dân sinh) theo kết cấu đường hiện trạng, đảm bảo khả năng chịu lực, kết nối êm thuận.

6.1.7. Thiết kế nút giao và giao cắt dân sinh:

- Nút giao: Trong phạm vi Dự án có bố trí 04 nút giao cùng mức tại các vị trí giao cắt chính với QL.38, ĐT.276, ĐT.283 (02 vị trí); nút giao được thiết kế dạng ngã ba, ngã tư, đồng thời bố trí biển báo, vạch sơn để tổ chức phân làn giao thông;

- Giao cắt dân sinh: Tại các vị trí giao cắt đường dân sinh, đường nội bộ trong khu vực phường Hồ vượt nối êm thậm với bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 5m;

6.1.8. Hệ thống thoát nước: Tại các vị trí giao cắt với kênh, mương hiện có, bố trí các cống ngang là các cống tròn BTCT hoặc cống hộp BTCT qua đường, hoàn trả kênh mương để đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình vận hành, khai thác của kênh, mương hiện hữu.

- Thoát nước dọc: Được bố trí bên trái tuyến các đoạn qua khu dân cư phường Hồ, khu dân cư thôn Đại Trạch; khẩu độ phù hợp với quy hoạch thoát nước, kết quả tính toán thủy văn.

- Thoát nước ngang: Cống thoát nước ngang được thiết kế phù hợp kết quả tính toán thủy văn, các cống hiện trạng và thỏa thuận với các cơ quan ban ngành, địa phương liên quan về vị trí, khẩu độ, cao độ các cống.

- Hoàn trả hệ thống kênh mương: Tại các vị trí tuyến đường cắt qua, đi trùng mương hiện hữu (mương đất, mương xây) tiến hành hoàn trả lại theo hiện trạng. Phạm vi cải mương, kích thước, kết cấu mương hoàn trả phù hợp với kênh mương hiện trạng, thỏa thuận với địa phương và phạm vi của dự án.

6.1.9. Gia cố mái Taluy: Được bố trí tại các vị trí có nền đắp cao, các đoạn đắp qua khu vực ngập nước thường xuyên nhằm đảm bảo tuyến đường ổn định trong quá trình khai thác và bền vững công trình ngay giai đoạn phân kỳ của dự án; gia cố mái taluy bằng đá hộc xây vữa bê tông hoặc bê tông xi măng đúc sẵn, đổ tại chỗ.



### 6.1.10. Hè đường, cây xanh:

- Hè đường: Được bố trí bên trái và bên phải tuyến đoạn qua khu dân cư phường Hồ, đoạn qua khu dân cư thôn Đại Trạch bố trí bên trái tuyến; kết cấu hè đường lát gạch granite nhân tạo, mài mặt lộ đá hạt, trên lớp vữa đệm mác M100 dày 2cm, lớp móng bằng bê tông mác M150, dày 8cm;

+ Trên hè bố trí các hố trồng cây; hố trồng cây kích thước (120x120)cm; cây xanh trồng các loại phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng và hiện trạng các tuyến phố trong khu vực.

+ Ngăn cách giữa lòng đường và hè đường bên trái tuyến đoạn qua khu dân cư phường Hồ (từ Km0+000 đến Km0+956,20), đoạn qua khu dân cư thôn Đại Trạch (từ Km5+034,28 đến Km5+862,64) bằng bó vỉa dạng vát, viên bê tông giả đá, kích thước (100x26x23)cm; đối với đoạn thẳng, đoạn cong dùng loại (25x26x23)cm; riêng đoạn qua khu dân cư phường Hồ (từ Km0+000 đến Km0+956,20) bên phải tuyến sử dụng bó vỉa dạng vuông, viên bê tông giả đá, kích thước (100x18x22)cm đối với đoạn thẳng, đoạn cong dùng loại (25x18x22)cm. Đan rãnh bằng tấm bê tông đúc sẵn giả đá, kích thước (50x30x6)cm, độ dốc 6-10%. Bó vỉa và đan rãnh được đặt trên lớp vữa đệm mác M100 dày 2cm, lớp móng bằng bê tông mác M150;

## 6.2. Công trình cầu, tường chắn.

### 6.2.1 Công trình cầu

Công trình cầu đường bộ trên tuyến gồm 1 cầu (cầu bắc qua Kênh Bắc vào thôn Phú Mỹ ) được thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực với tải trọng HL93, cụ thể như sau:

- Cầu dầm bản giản đơn BTCT DƯL kéo trước L=16m, sơ đồ 1 nhịp 16m;
- Bề rộng cầu  $B=0.25m + 1.5m + 10.5m + 1.5m + 0.25m = 14m$ ;
- Tải trọng thiết kế : HL93, tải trọng người 300Kg/cm<sup>2</sup>;
- Quy trình quy phạm: Tiêu chuẩn thiết kế TCVN: 11823-2017;
- Kết cấu phần trên: Toàn cầu gồm 1 nhịp giản đơn BTCT DƯL kéo trước L=16m; mặt cắt ngang gồm 14 dầm bản, khoảng cách giữa các dầm là  $a = 1m$ ; Chiều cao dầm là 0.55m;

- Kết cấu phần dưới: Kết cấu móng dạng chữ U BTCT, móng đặt trên hệ cọc BTCT 35x35cm, chiều dài cọc thay đổi theo chiều sâu địa tầng, cao độ mũi cọc ngầm vào lớp đất chịu lực tốt;

- Hệ mặt cầu: Lớp bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm; lớp phòng nước dung dịch chống thấm dạng lỏng; Lớp BTCT liên kết bản dày 15cm;

- Phần lề đi bộ: Lát gạch granite nhân tạo, mài mặt lộ đá hạt;

- Lan can: Sử dụng loại lan can thép ống mạ kẽm, khe co giãn sử dụng khe co giãn dạng thép dạng răng lược, gờ cầu sử dụng gờ cao su cốt bản thép;

- Gia cố tứ nón và mái kênh bằng tấm bê tông xi măng đúc sẵn.



6.2.2. Công trình tường chắn: Đoạn tuyến đi sát khu đô thị ĐABACO bên trái tuyến, bố trí tường chắn chân bằng BTCT, chiều cao trung bình từ 2,5 - 3,0m;

6.3. Công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

6.3.1. Điện chiếu sáng: Được thiết kế xây dựng đồng bộ trên toàn tuyến. Cụ thể như sau:

a. Đầu nối cấp điện: Xây mới tủ điều khiển chiếu sáng lấy nguồn từ điện dân sinh đảm bảo cung cấp cho hệ thống chiếu sáng trên toàn tuyến.

b. Hệ thống chiếu sáng.

- Hệ thống chiếu sáng được bố trí trên vỉa hè và lề đường đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn QCVN 07-7:2016/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/TT-BXD ngày 01/02/2016.

- Cấp điện và dây dẫn: Cấp nguồn cấp đến tủ điều khiển, đến các cột đèn đi ngầm trong đất sử dụng cáp đồng loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC. Cáp luồn trong ống nhựa xoắn HDPE65/50; cấp điện cho các bóng đèn cao áp từ đường cáp trực chính dùng dây đồng bọc Cu/XLPE/PVC đầu từ bảng điện cửa cột qua Aptomat.

- Đèn chiếu sáng: Sử dụng đèn Led 150W-DIM5, đèn có hiệu chỉnh công suất để tiết kiệm điện.

- Cột đèn, khoảng cách cột: Sử dụng cột rời cao 9m, cần cao 2m đưa 1,5m, các cột bố trí cách nhau từ 35 đến 40m.

- Móng cột: Móng bằng bê tông xi măng, bê tông cốt thép đổ tại chỗ kết hợp khung bu lông móng kích thước M24X3000x300x675mm giữ cột đèn. Kích thước móng được tính toán phù hợp từng loại, chiều cao cột đèn. Tất cả các móng cột đèn khi đúc bên trong móng đặt sẵn ống nhựa xoắn HDPE65/50 để luồn cáp lên và xuống.

6.3.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Bố trí 3 ống HDPE D160/D125mm bên trái tuyến đoạn qua khu dân cư thị trấn Hồ và dân cư thôn Đại Trạch, kết hợp hố ga công kỹ thuật; hố ga kỹ thuật được bố trí tại vị trí giao nhau, chuyển hướng và trên đường thẳng phải có một hố ga kỹ thuật với khoảng cách tối đa 100m.

6.4. Hệ thống an toàn giao thông:

- Bố trí vạch sơn, biển báo hiệu, tôn hộ lan, cọc tiêu, cọc H, cọc Km, đỉnh phản quang ...v.v. Theo quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT; gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế TCCS 34: 2020/TCĐBVN.

(Chi tiết giải pháp thiết kế cơ sở theo Tờ trình số 2036/TTr-SGTVT ngày 28/9/2023 của Sở Giao thông vận tải)

**7. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:** Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng giao thông Bắc Ninh.

**8. Địa điểm xây dựng:** thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. **9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;



- Loại, cấp công trình: Loại: Công trình giao thông; cấp công trình: Cấp II.

### 9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

- Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: (có Phụ lục ban hành kèm theo).

**10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 385.039.023.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi năm tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng).**

Trong đó:

- Chi phí đền bù, GPMB	43.262.175.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	280.939.192.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	0	đồng
- Chi phí QLDA:	3.258.895.000	đồng
- Chi phí TVĐTXD:	12.795.244.000	đồng
- Chi phí khác:	7.591.149.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	37.192.368.000	đồng

**11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023 ÷ 2026.**

**12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh Bắc Ninh.**

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo Điều 23 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.**

**14. Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Thực hiện đúng quy định của pháp luật.**

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Phân chia các gói thầu: Căn cứ vào nguồn vốn bố trí cho công trình, Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định; hoàn thiện một số nội dung của Dự án theo Văn bản số 2031/SGTVT-QLCL ngày 28/9/2023 của Sở Giao thông vận tải.

4. Chủ đầu tư quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Ninh: Số 211/NQ-HĐND - Phụ lục 30 ngày 29/10/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm B và nhóm C trọng điểm; số 203/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện (nay là thị xã) Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283, nội dung dự án được duyệt tại quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND thị xã Thuận Thành; Ban quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./x

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các P. CVP;
- Lưu: VT, CN. XDCB, NN.TN, KTTH.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Ngô Tân Phụng**

